

Số: *493* /TTr-UBND

Thanh Trị, ngày *04* tháng *7* năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm
giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2020, tỉnh Sóc Trăng (đợt 2) cho huyện Thanh Trị;

Căn cứ Quyết định số 3881/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện Thanh Trị;

Căn cứ Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Thanh Trị về dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025, huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Thông báo số 09/TB-BĐT ngày 17/6/2022 của Ban Dân tộc tỉnh Sóc Trăng thông báo Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 và năm 2022 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Căn cứ Công văn số 1249/SNN-VPĐP ngày 13/6/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng về việc xây dựng phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 – 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới,

Xét khả năng cân đối nguồn vốn và nhu cầu cần thiết đầu tư xây dựng các dự án bức xúc ở các lĩnh vực trên địa bàn huyện; Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết định về bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:



1. Bổ sung danh mục từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương (điều chỉnh vốn còn thừa và vốn dự phòng chưa phân bổ năm 2022 bố trí 02 dự án khởi công mới): **1.860 triệu đồng**. Trong đó:

- Vốn cân đối ngân sách địa phương: 1.737 triệu đồng;
- Vốn thu tiền sử dụng đất: 123 triệu đồng.

2. Bổ sung danh mục từ Nguồn tiết kiệm chi năm 2021 (thực hiện chuyển tiếp 02 dự án và khởi công mới 01 dự án): **3.679 triệu đồng**.

3. Đối với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (phê duyệt tại Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND huyện Thạnh Trị) để đảm bảo các thủ tục chuẩn bị đầu tư, UBND huyện đề nghị HĐND huyện xem xét bổ sung danh mục đầu tư gồm 08 danh mục công trình với số vốn **31.614 triệu đồng**.

4. Bổ sung danh mục công trình từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, với số vốn **47.346,291 triệu đồng**.

5. Bổ sung danh mục công trình từ nguồn vốn kết dư ngân sách huyện, với số vốn **4.348,735 triệu đồng**.

(Đính kèm phụ lục)

Kính đề nghị Hội đồng nhân dân huyện khóa XII, nhiệm kỳ 2021-2026 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TV Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Thành viên UBND;
- Lưu VT, TCKH.



Lương Vũ Phương



DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Tờ trình số: 1193/TTr-UBND ngày 01/7/2022 của UBND nhân dân huyện Thanh Trì)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND huyện	Vốn tỉnh giao tại Quyết định số: 3560/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh	Kế hoạch vốn huyện giao đầu năm 2022	điều chỉnh vốn	KHV sau điều chỉnh (-,+)	Kế hoạch vốn còn thừa chưa phân bổ đầu năm	Kế hoạch vốn còn thừa	Kế hoạch vốn bổ sung trung hạn 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	(8) = (6-7)	9	(10) = (8+9)	11	12
*	Phân cấp ngân sách huyện		25.910	24.409	23.667	22.549	1.118	742	1.860	1.860	
-	Vốn cân đối ngân sách địa phương		22.750	22.009	21.283	20.272	1.011	726	1.737	1.737	
	* Công trình khởi công mới		22.750		21.283	20.272	1.011			1.737	
1	1	Via hè khu vực áp 3	thị trấn Phú Lộc	900		899	890	9			
2	2	Nâng cấp hèm 8	thị trấn Phú Lộc	1.800		1.766	1.736	30			
3	3	Lộ Bào Cát - Quang Vinh (làm mới đoạn còn lại từ nhà ông Quang - nhà ông Luân)	thị trấn Hưng Lợi	2.250		2.247	2.023	224			
4	4	Đường lộ 13 - 23 (Nối tiếp)	xã Châu Hưng	2.000		1.999	1.907	92			
5	5	Lộ nhà ông Đản - ông Ngoan - ông Ty	xã Vĩnh Thành	2.250		2.154	2.126	28			
6	6	Cầu Mây Dóc	xã Thạnh Trì	3.500		2.531	2.352	179			
7	7	Cầu Lý Bươl (nối tiếp cầu Chùa đến Sông Lớn)	xã Tuân Tứ	2.750		2.485	2.332	153			
8	8	Lộ Mường Điều (Cầu 8 Ta - nhà ông Vọng)	xã Lâm Tân	2.250		2.217	2.043	174			
9	9	Lộ Kiệt Thắng - Kiệt Thống	xã Lâm Kiệt	2.400		2.400	2.310	90			
10	10	Lộ Cầu Trắng - Lâm Trường	xã Thạnh Tân	750		689	680	9			
		Nhà sinh hoạt cộng đồng 05 ấp: ấp 3, ấp Nàng Rền; ấp Rây Mới; Công Điền; Bào Lớn. Trong đó:		1.900							
11	11	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp Nàng Rền, Bào Lớn	thị trấn Phú Lộc			823	813	10			
12	12	Nhà sinh hoạt cộng đồng ấp 3, Rây Mới, Công Điền	thị trấn Phú Lộc			1.073	1.060	13			



STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công trung hạn số 38/NQ-HĐND ngày 08/11/2021 của HĐND huyện	Vốn tỉnh giao tại Quyết định số: 3560/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND tỉnh	Kế hoạch vốn huyện giao đầu năm 2022	điều chỉnh vốn	KHV sau điều chỉnh (-,+)	Kế hoạch vốn còn thừa chưa phân bổ đầu năm	Kế hoạch vốn còn thừa	Kế hoạch vốn bổ sung trung hạn 2021-2025	Ghi chú
13	13	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc							877	
14	14	Nâng cấp đường dẫn từ Quốc lộ 1A vào công viên	thị trấn Phú Lộc							860	
-		Thu tiền sử dụng đất		3.160	2.400	2.384	2.277	107	16	123	123
	*	Công trình khởi công mới		3.160							
15	1	Lộ Cầu Chùa đến Sông Lớn (nối tiếp)	xã Tuân Tức	1.400		1.385	1.287	98			
16	2	Cầu Lộ 14/9 (bên sông)	xã Thạnh Tân	1.760		999	990	9			
17	3	Nâng cấp đường Trần Phú	thị trấn Phú Lộc							123	





DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

Nguồn: Tiết kiệm chi năm 2021

(Kèm theo Tờ trình số: 1493/TTr-UBND ngày 01/7/2022 của UBND nhân dân huyện Thanh Trì)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt		Tổng số		Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tiết kiệm chi			Vốn khác	Tiết kiệm chi		Vốn khác	Tiết kiệm chi		Vốn khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
	TỔNG SỐ					3.679	3.679						3.679	3.679			
●	Nguồn tiết kiệm chi năm 2021					3.679	3.679						3.679	3.679			
A	NGÀNH, LĨNH VỰC: GIAO THÔNG					3.438	3.438						3.438	3.438			
I	Ban QLDA các CTXD					3.438	3.438						3.438	3.438			
1	Chuẩn bị đầu tư																
2	Thực hiện dự án					3.438	3.438						3.438	3.438			
*	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 5 năm 2021-2025					2.971	2.971						2.971	2.971			
-	Dự án C					2.971	2.971						2.971	2.971			
2.1	Lộ từ cổng Bưng Coi đến giáp Lâm Tân	xã Lâm Kiết	1.639,8 m x 3 m	2022		2.971	2.971						2.971	2.971			
*	Dự án chuyển tiếp					467	467						467	467			
2.2	Đường giao thông nông thôn xã Vĩnh Lợi	xã Vĩnh Lợi				467	467						467	467			



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tiết kiệm chi			Vốn khác	Tiết kiệm chi		Vốn khác	Tiết kiệm chi		Vốn khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
B	NGÀNH, LĨNH VỰC: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					241	241						241	241			
I	Ban QLDA các CTXD					241	241						241	241			
1	Chuẩn bị đầu tư																
2	Thực hiện dự án					241	241						241	241			
*	Dự án chuyển tiếp					241	241						241	241			
2.1	Trụ sở UBND xã Lâm Kiết	xã Lâm Kiết		2022	753/QĐ.UBND, ngày 31/10/2020	241	241						241	241			



CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Tờ trình số: 1193./TTr-UBND ngày 01./7/2022 của UBND nhân dân huyện Thạnh Trị)

DVT: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú	
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	NSTW				Vốn khác
	Tổng số			31.614	31.614				31.614	31.614		
1	Nâng cấp mở rộng lộ Kinh Ngay - Xóm Tro - Tàn Dù	Xã Châu Hưng		6.281	6.281				6.281	6.281		
2	Xây dựng 02 công chào	Xã Châu Hưng		700	700				700	700		
3	Xây dựng Nhà Văn hoá ấp Tràm Kiển	Xã Châu Hưng		447	447				447	447		
4	Cầu ông Xe - ông Hoạch	Xã Vĩnh Lợi		1.125	1.125				1.125	1.125		
5	Cầu Hai Vọng - Ba Kiệu	Xã Vĩnh Lợi		1.080	1.080				1.080	1.080		



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm 2021-2025		Ghi chú	
			Số quyết định, ngày tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
				Tổng số (Tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	NSTW				Vốn khác
6	Cầu kên Tà Ló - Khai - Giàu	Xã Vĩnh Lợi		588	588				588	588		
7	Lộ cầu Miếu (giáp Mỹ Bình)	Xã Vĩnh Thành		2.793	2.793				2.793	2.793		
8	Lộ kênh Ông Thái	Lâm Tân		2.793	2.793				2.793	2.793		
9	Lộ kênh Hai Tài	Xã Thanh Trị		2.793	2.793				2.793	2.793		
10	Lộ Trà Do- Kiệt Lợi	Xã Lâm Kiệt		2.793	2.793				2.793	2.793		
11	Lộ B1 - Tân Lợi	Xã Thạnh Tân		7.428	7.428				7.428	7.428		
12	Lộ cầu Trung Thông - Phú Giao	Xã Tuân Tức		1.410	1.410				1.410	1.410		
13	Lộ cầu Trung Hoà	Xã Tuân Tức		1.383	1.383				1.383	1.383		

CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
VÒNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ

(Kèm theo Tờ trình số: 1193/TTr-UBND ngày 01/7/2022 của UBND nhân dân huyện Thạnh Trị)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025				
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt		Tổng số		Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW			NSĐP	Tổng số		NSTW	NSĐP		Tổng số	NSTW
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
	TỔNG SỐ					51.695,026	47.346,291	4.348,735					47.346,291	47.346,291			
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					23.453,064	21.671,780	1.781,284					21.671,780	21.671,780			
1	Hỗ trợ đất ở					2.383,069	2.166,426	216,643					2.166,426	2.166,426			
2	Hỗ trợ nhà ở					17.211,049	15.646,408	1.564,641					15.646,408	15.646,408			
3	Hỗ trợ đất sản xuất					3.858,946	3.858,946						3.858,946	3.858,946			
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số					28.241,962	25.674,511	2.567,451					25.674,511	25.674,511			
	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số					28.241,962	25.674,511	2.567,451					25.674,511	25.674,511			

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW			NSDP	Tổng số		NSTW	NSDP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn					28.241,962	25.674,511	2.567,451					25.674,511	25.674,511	
1	Cầu Kênh Thầy 9	Ấp A2, xã Thạnh Tân	Ngang 2,2m; dài 25m	2022		845.000	768.182	76.818					768.182	768.182	
2	Cầu Ông Ngọn	Ấp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng	Ngang 2,2m, dài 25m	2022		845.000	768.182	76.818					768.182	768.182	
3	Cầu ông Kha Mết	Ấp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng	Ngang 2,2m, dài 25m	2022		845.000	768.182	76.818					768.182	768.182	
4	Cầu Kênh nhà ông Thại	Ấp Xóm Tro 2, xã Châu Hưng	Ngang 2,2m, dài 21m	2022		704.649	640.590	64.059					640.590	640.590	
5	Lộ ấp Giồng Chùa (Từ cầu Chùa - nhà Lý Strong)	Ấp Giồng Chùa, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 200m	2022		260.000	236.364	23.636					236.364	236.364	
6	Lộ ấp Số 8 (Nhà ông Thạch Lện - Nhà Lâm Sơn)	Ấp Số 8, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 1200m	2022		1.560.000	1.418.182	141.818					1.418.182	1.418.182	
7	Cầu Kênh 10 thước 1	Ấp B1, xã Thạnh Tân	Ngang 2,2m; dài 25m	2023		855.000	777.273	77.727					777.273	777.273	
8	Lộ Thạch Kỳ	Ấp Trung Bình, xã Tuấn Tức	Ngang 2,2m; dài 1500m	2023		1.980.000	1.800.000	180.000					1.800.000	1.800.000	
9	Cầu Kênh 8 Phước	Ấp B1, xã Thạnh Tân	Ngang 2,2m; dài 20m	2023		756.313	687.557	68.756					687.557	687.557	
10	Cầu Kênh ranh Kinh Ngay 2 23	Ấp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng	Ngang 2m, dài 25m	2023		855.000	777.273	77.727					777.273	777.273	
11	Lộ ấp Số 8 (Nhà ông Liêu Sơn - nhà ông Trần Đực)	Ấp Số 8, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 1400m	2023		1.848.000	1.680.000	168.000					1.680.000	1.680.000	
12	Cầu Kênh Huyện Tự	Ấp B1, xã Thạnh Tân	Ngang 2,2m; dài 25m	2024		855.000	777.273	77.727					777.273	777.273	
13	Lộ Trung Thống - Tân Định	Ấp Trung Thống, xã Tuấn Tức	Ngang 2,2m; dài 2500m (GD1)	2024		3.300.000	3.000.000	300.000					3.000.000	3.000.000	
14	Lộ Xóm Trong	Ấp Kiết Lợi, xã Lâm Kiết	Ngang 2,2m, dài 550m	2024		700.000	636.364	63.636					636.364	636.364	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW			NSDP	Tổng số		NSTW	NSDP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
15	Cầu Kênh Kiết Lợi	Áp Kiết Lợi, xã Lâm Kiết	Ngang 2,2m; dài 15m	2024		535,000	486,364	48,636					486,364	486,364	
16	Lộ áp Kinh Ngay 1 (Từ nhà bà Lệ - giáp áp Kinh Ngay 2)	Áp Kinh Ngay 1, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 2000m	2024		2.690,000	2.445.455	244,545					2.445.455	2.445.455	
17	Lộ Kênh Ba Huê	Áp Xóm Tro 1, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 1300m	2024		1.716,000	1.560.000	156,000					1.560.000	1.560.000	
18	Lộ áp Số 9 (Từ cầu Thủ Mộ nhà ông Danh Thành)	Áp Số 9, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 1000m (GD1)	2024		1.320,000	1.200.000	120,000					1.200.000	1.200.000	
19	Lộ Kênh ông Cua	Áp Trung Bình, xã Tuấn Tứ	Ngang 2,2m; dài 1100m	2025		1.452,000	1.320.000	132,000					1.320,000	1.320,000	
20	Cầu Kênh nhà ông Út Em	Áp Xóm Tro 2, xã Châu Hưng	Ngang 2m, dài 21m	2025		660,000	600.000	60,000					600,000	600,000	
21	Lộ áp Số 9 (Nhà ông Lưu Văn Giang - nhà ông Thạch Tròn)	Áp Số 9, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 3m, dài 200m	2025		360,000	327.273	32,727					327.273	327.273	
22	Lộ áp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn Ân - nhà ông Thạch Múng)	Áp Xóm Tro 1, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 2500m	2025		3.300,000	3.000.000	300,000					3.000,000	3.000,000	



CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH HUYỆN

Kèm theo Tờ trình số: 493/TTr-UBND ngày 01/7/2022 của UBND nhân dân huyện Thanh Trì)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KDNS			NSTW	Tổng số		KDNS	Vốn khác	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ					51.695,026	4.348,735	47.346,291					4.348,735	4.348,735	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					23.453,064	1.781,284	21.671,780					1.781,284	1.781,284	
1	Hỗ trợ đất ở					2.383,069	216,643	2.166,426					216,643	216,643	
2	Hỗ trợ nhà ở					17.211,049	1.564,641	15.646,408					1.564,641	1.564,641	
3	Hỗ trợ đất sản xuất					3.858,946		3.858,946							
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số					28.241,962	2.567,451	25.674,511					2.567,451	2.567,451	
	Nội dung 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số					28.241,962	2.567,451	25.674,511					2.567,451	2.567,451	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu ở ấp, xã đặc biệt khó khăn					28.241,962	2.567,451	25.674,511					2.567,451	2.567,451	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025		
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
						KDNS	NSTW				KDNS	Vốn khác		KDNS	Vốn khác
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Cầu Kênh Thầy 9	Áp A2, xã Thạnh Tân	Ngang 2,2m; dài 25m	2022		845.000	76.818	768.182					76.818	76.818	
2	Cầu Ông Ngọn	Áp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng	Ngang 2,2m. dài 25m	2022		845.000	76.818	768.182					76.818	76.818	
3	Cầu ông Kha Mết	Áp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng	Ngang 2,2m. dài 25m	2022		845.000	76.818	768.182					76.818	76.818	
4	Cầu Kênh nhà ông Thại	Áp Xóm Tro 2, xã Châu Hưng	Ngang 2,2m. dài 21m	2022		704.649	64.059	640.590					64.059	64.059	
5	Lộ áp Giồng Chùa (Từ cầu Chùa - nhà Lý Sương)	Áp Giồng Chùa, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m. dài 200m	2022		260.000	23.636	236.364					23.636	23.636	
6	Lộ áp Số 8 (Nhà ông Thạch Lện - Nhà Lâm Sơn)	Áp Số 8, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m. dài 1200m	2022		1.560.000	141.818	1.418.182					141.818	141.818	
7	Cầu Kênh 10 thước 1	Áp B1, xã Thạnh Tân	Ngang 2,2m: dài 25m	2023		855.000	77.727	777.273					77.727	77.727	
8	Lộ Thạch Kỳ	Áp Trung Bình, xã Tuân Tức	Ngang 2,2m: dài 1500m	2023		1.980.000	180.000	1.800.000					180.000	180.000	
9	Cầu Kênh 8 Phước	Áp B1, xã Thạnh Tân	Ngang 2,2m: dài 20m	2023		756.313	68.756	687.557					68.756	68.756	
10	Cầu Kênh ranh Kinh Ngay 2 23	Áp Kinh Ngay 2, xã Châu Hưng	Ngang 2m. dài 25m	2023		855.000	77.727	777.273					77.727	77.727	
11	Lộ áp Số 8 (Nhà ông Liêu Sơn - nhà ông Trần Đực)	Áp Số 8, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m. dài 1400m	2023		1.848.000	168.000	1.680.000					168.000	168.000	
12	Cầu Kênh Huyện Tự	Áp B1, xã Thạnh Tân	Ngang 2,2m: dài 25m	2024		855.000	77.727	777.273					77.727	77.727	
13	Lộ Trung Thống - Tân Định	Áp Trung Thống, xã Tuân Tức	Ngang 2,2m; dài 2500m (GD1)	2024		3.300.000	300.000	3.000.000					300.000	300.000	
14	Lộ Xóm Trong	Áp Kiệt Lợi, xã Lâm Kiệt	Ngang 2,2m. dài 550m	2024		700.000	63.636	636.364					63.636	63.636	
15	Cầu Kênh Kiệt Lợi	Áp Kiệt Lợi, xã Lâm Kiệt	Ngang 2,2m: dài 15m	2024		535.000	48.636	486.364					48.636	48.636	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025	Đã bố trí từ khi khởi công đến hết kế hoạch năm 2021			Bổ sung Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT tư được duyệt			Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn		Tổng số	Chia theo nguồn	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	KDNS			NSTW	Tổng số		KDNS	Vốn khác		Tổng số	KDNS
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
16	Lộ áp Kinh Ngay 1 (Từ nhà bà Lê - giáp áp Kinh Ngay 2)	Áp Kinh Ngay 1, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 2000m	2024		2.690.000	244.545	2.445.455					244.545	244.545			
17	Lộ Kênh Ba Huê	Áp Xóm Tro 1, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 1300m	2024		1.716.000	156.000	1.560.000					156.000	156.000			
18	Lộ áp Số 9 (Từ cầu Thủ Mộ nhà ông Danh Thành)	Áp Số 9, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 1000m (GD1)	2024		1.320.000	120.000	1.200.000					120.000	120.000			
19	Lộ Kênh ông Cua	Áp Trung Bình, xã Tuân Tức	Ngang 2,2m: dài 1100m	2025		1.452.000	132.000	1.320.000					132.000	132.000			
20	Cầu Kênh nhà ông Út Em	Áp Xóm Tro 2, xã Châu Hưng	Ngang 2m, dài 21m	2025		660.000	60.000	600.000					60.000	60.000			
21	Lộ áp Số 9 (Nhà ông Lưu Văn Giang - nhà ông Thạch Tròn)	Áp Số 9, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 3m, dài 200m	2025		360.000	32.727	327.273					32.727	32.727			
22	Lộ áp Xóm Tro 1 (Nhà ông Trần Văn Ân - nhà ông Thạch Mừng)	Áp Xóm Tro 1, thị trấn Hưng Lợi	Ngang 2,2m, dài 2500m	2025		3.300.000	300.000	3.000.000					300.000	300.000			

